

# CHƯƠNG 9

## CUỘC TRANH LUẬN VỀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ

# Nội dung nghiên cứu

1. Chính sách nên chủ động hay thụ động
2. Chính sách nên được thực hiện theo nguyên tắc hay tùy nghi
3. Nợ của chính phủ và vấn đề đo lường
4. Quan điểm truyền thống về nợ chính phủ
5. Những quan điểm khác về nợ chính phủ

(Nội dung 1 và 2 nằm trong chương 12; 3, 4 và 5 nằm trong chương 16: Kinh tế học vĩ mô (Mankiw, 2003), Worth Publishers)

# Chính sách nên chủ động hay thụ động

- Độ trễ trong
- Độ trễ ngoài
- CSTK có độ trễ trong dài
- CSTT có độ trễ ngoài dài

“...các nhà hoạch định chính sách kinh tế phải đương đầu với một vấn đề giống công việc của người thuyền trưởng lái con tàu rất lớn”  
(Mankiw, 2003, p.343)

# Độ trễ (lag)

- **Độ trễ trong:** khoảng thời gian từ lúc xuất hiện cú sốc tác động vào nền kinh tế cho đến khi biện pháp chính sách được thực thi để phản ứng lại cú sốc
- **Độ trễ ngoài:** khoảng thời gian từ lúc thực thi chính sách cho đến khi nó phát huy ảnh hưởng đối với nền kinh tế.

Ví dụ: Bác sỹ và bệnh nhân

# Cơ chế tự ổn định

- Là những chính sách kích thích hoặc làm suy giảm nền kinh tế mà không cần có sự thay đổi chính sách thận trọng nào

Ví dụ

- Hệ thống thuế thu nhập (cá nhân và DN)
- Hệ thống bảo hiểm thất nghiệp
- Các chương trình phúc lợi
- .....

# Phê phán của Lucas



Robert Lucas (15/09/1937 - )

Nobel Prize\_1995

“Làm nghề cố vấn, nhiều khi chúng ta phải túm tóc tự nhắc mình lên khỏi mặt đất”

- Các phương pháp đánh giá chính sách truyền thống không thích hợp để tính đến ảnh hưởng này của chính sách đối với kỳ vọng
- mọi người phản ứng lại chính sách kinh tế như thế nào tùy thuộc vào kỳ vọng của họ về tương lai

# Chính sách nên được thực hiện theo quy tắc hay tùy nghi?

- Chính sách được thực hiện theo quy tắc (rule): các nhà hoạch định chính sách thông báo trước rằng chính sách sẽ phản ứng như thế nào trong các tình huống khác nhau và tự mình cam kết làm theo thông báo này
- Chính sách được thực hiện tùy nghi (Discretion): các nhà hoạch định chính sách không bị ràng buộc khi xử lý từng tình huống và lựa chọn chính sách sao cho thích hợp với thời điểm đó

# Sự hoài nghi

## ■ Bất tài

- Cán cân quyền lực của nhóm lợi ích
- Các nhà chính trị thường khó phân biệt được khuyến nghị của những kẻ bịp bợm và của các nhà kinh tế có tài (ví dụ câu chuyện về 200 cổ vấn kinh tế)

## ■ Chủ nghĩa cơ hội (chu kỳ kinh doanh chính trị)



# Tính bất nhất của chính sách tùy nghi

- Chính sách tùy nghi (Discretionary Policy)
- Trong một số tình huống, các nhà hoạch định chính sách thông báo trước chính sách mà họ sẽ theo đuổi nhằm tác động vào kỳ vọng của các nhà ra quyết định tư nhân, tuy nhiên sau đó họ lại không muốn làm theo thông báo của mình nữa -> tính bất nhất (tiền hậu bất nhất)

Ví dụ: thương lượng với khủng bố, cam kết lạm phát thấp, giảng viên và vấn đề kiểm tra cuối kỳ...



# Quy tắc cho CSTT

- Duy trì tốc độ tăng cung ứng tiền tệ không đổi
- Mục tiêu GDP danh nghĩa
- Mục tiêu về mức giá

# Ngân sách cân bằng có thể là quy tắc quá nghiêm ngặt đối với CSTK

- Thâm hụt hoặc thặng dư NS có thể góp phần ổn định nền kinh tế
- Thâm hụt hoặc thặng dư NS giúp CP ổn định được mức thuế
- THNS giúp CP chuyển gánh nặng thuế từ thế hệ hiện tại sang thế hệ tương lai

# Tóm tắt tranh luận

- Chính sách chủ động giúp nền kinh tế không phải thường xuyên chịu đựng những cú sốc bất lợi tới việc làm và sản lượng nhờ sự can thiệp kịp thời của các chính sách KTVM
- Chính sách thụ động nên được thực hiện vì CSTT và CSTK gắn với độ trễ kéo dài và biến động nên nỗ lực ổn định nền kinh tế sẽ làm cho nền kinh tế mất ổn định hơn. Thậm chí do hiểu biết về nền kinh tế quá ít ỏi nên những chính sách can thiệp còn tạo ra biến động kinh tế
- Chính sách tùy nghi tạo điều kiện cho các nhà hoạch định ứng phó linh hoạt khi phải xử lý những tình huống bất ngờ
- Chính sách cố định nên được thực hiện vì các nhà chính trị thường xuyên mắc sai lầm và đôi khi sử dụng chính sách để phục vụ mục tiêu chính trị riêng của họ. Ngoài ra chính sách cố định sẽ giải quyết vấn đề tính bất nhất.

“...Cho dù đúng hay sai, tư tưởng của các nhà kinh tế và triết gia về chính trị vẫn có sức mạnh lớn hơn nhiều so với quan niệm thông thường của chúng ta. Dĩ nhiên, thế giới còn bị chế ngự bởi vài yếu tố khác nữa. Các nhà thực hành nghĩ rằng mình không hề chịu ảnh hưởng của giới trí thức, trên thực tế lại thường là nô lệ của một số nhà kinh tế quá cố. Những kẻ cầm quyền mất trí nghe được lời phán bảo của chúa nhưng cảm thấy yên lòng hơn khi đọc tác phẩm mà một học giả hạng xoàng nào đó đã viết một vài năm trước”  
— John Maynard Keynes viết trong phần kết luận cuốn “Lý thuyết tổng quát”

# Nợ chính phủ

- Quan điểm truyền thống
- Quan điểm của Ricardo
- Vấn đề đo lường

# Quan điểm truyền thống về nợ chính phủ

- Khi chi tiêu của chính phủ lớn hơn mức thuế thu được, chính phủ phải vay nợ từ khu vực tư nhân để trang trải phần thâm hụt ngân sách này. Tổng các khoản vay từ trong quá khứ được gọi là nợ chính phủ.
- Theo quan điểm truyền thống: việc vay nợ của chính phủ làm giảm tiết kiệm quốc dân và mức tích lũy vốn.
- **Điều gì sẽ xảy ra khi chính phủ đồng loạt cắt giảm thuế, trong điều kiện không thể cắt giảm chi tiêu của Chính phủ?**

# Quan điểm truyền thống về nợ chính phủ

Gợi ý: sử dụng lý thuyết đã học về

- ***Thu nhập quốc dân:*** T giảm  $\rightarrow$  C tăng  $\rightarrow$  S giảm  $\rightarrow$  r tăng  $\rightarrow$  lần át đầu tư
- ***Mô hình Solow:*** đầu tư thấp  $\rightarrow$  k và y thấp hơn ở trạng thái dừng  $\rightarrow$  c thấp hơn và phúc lợi kinh tế giảm (ở trạng thái vàng)
- ***Mô hình IS-LM:*** T giảm  $\rightarrow$  IS dịch phải  $\rightarrow$  Y tăng và thất nghiệp giảm trong ngắn hạn, P tăng
- ***Mô hình Mundel-Fleming:*** NX giảm  $\rightarrow$  S giảm, nội tệ tăng giá  $\rightarrow$  giảm tác động mở rộng của CSTK.



# Quan điểm Ricardo về nợ chính phủ



David Ricardo  
(1772-1823)

- Quan điểm của Ricardo dựa trên giả thuyết về thu nhập thường xuyên.
  - Việc tài trợ cho chi tiêu của CP bằng vay nợ tương đương với cách tài trợ cho nó bằng thuế.
  - Người tiêu dùng biết nhìn xa sẽ thấy thuế trong tương lai tương đương với thuế hiện tại
- > **biện pháp cắt giảm thuế được tài trợ bằng vay nợ làm tăng thu nhập hiện tại nhưng không không làm thay đổi thu nhập thường xuyên do đó không tác động tới tiêu dùng.**

# Phân tích của R. Barro ủng hộ quan điểm của Ricardo



- Đơn vị ra quyết định thích hợp không phải là những cá nhân chỉ số số năm nhất định mà là gia đình nối tiếp nhau vô hạn -> thay cho việc tiêu dùng phần thu nhập dôi ra do cắt giảm thuế ở hiện tại, người ta sẽ tiết kiệm nó và để lại làm của cải thừa kế cho con cái mình (những người phải nộp thuế trong tương lai)

Robert Joseph Barro  
(28.09.1944 - )

# Bản chất cuộc tranh luận

- Bản chất cuộc tranh luận về nợ chính phủ là cuộc tranh luận về hành vi của người tiêu dùng:
- Quan điểm truyền thống giả định người tiêu dùng là thiện cận
- Quan điểm Ricardo giả định rằng người tiêu dùng có tầm nhìn dài hạn
- Phân tích của Barro về gia đình lại hàm ý rằng tầm nhìn của người tiêu dùng thực ra là vô hạn

Câu hỏi thảo luận: Vì sao cha mẹ để lại của cải thừa kế?

# Vấn đề trong tính thâm hụt ngân sách

- **Lạm phát:** Chỉ tiêu thâm hụt ngân sách thường không điều chỉnh lạm phát
- **Tài sản đầu tư:** THNS phải được tính bằng cách lấy mức thay đổi của nợ trừ mức thay đổi của tài sản
- **Các khoản nợ không tính vào thâm hụt ngân sách** (trợ cấp hưu trí, hệ thống bảo hiểm xã hội, các khoản nợ ngẫu nhiên...)

# Tóm tắt về nợ chính phủ

- Quan điểm truyền thống về nợ chính phủ: biện pháp cắt giảm thuế được bù đắp bằng nợ kích thích chi tiêu của người tiêu dùng và làm giảm tiết kiệm quốc dân -> làm tăng tổng cầu và thu nhập trong ngắn hạn nhưng dẫn tới khối lượng tư bản nhỏ hơn và thu nhập thấp hơn trong dài hạn.
- Quan điểm Ricardo: biện pháp cắt giảm thuế được bù đắp bằng nợ không kích thích tiêu dùng vì nó không làm tăng thu nhập thường xuyên – nó chỉ chuyển thuế từ hiện tại sang tương lai.
- Bản chất cuộc tranh luận về nợ chính phủ là cuộc tranh luận về hành vi của người tiêu dùng.
- Chỉ tiêu về thâm hụt ngân sách là một chỉ tiêu không hoàn hảo về CSTK vì nó không được điều chỉnh để loại trừ tác động của lạm phát, không loại trừ sự thay đổi trong các khoản nợ bằng những thay đổi trong tài sản và hoàn toàn bỏ qua một số khoản nợ.

# Nợ công ở Việt Nam



Chỉ số nợ công của VN hiện đang chiếm 49,2% GDP toàn quốc. Theo đó, với tổng mức nợ công hiện là 72,523 tỷ USD, tính theo mức dân số VN mà Global debt clock cung cấp là 89.740.893 người, mỗi người dân đang "gánh" 808,1 USD nợ công.

<http://danviet.vn/133736p1c25/no-cong-viet-nam-la-808-usdnguoi-dan.htm>

Ông Võ Trí Thành-Phó Viện trưởng CIEM cũng cho rằng, cho đến nay vẫn chưa đánh giá được chính xác nợ công và những rủi ro từ nợ công của VN. Lúc thì VN công bố nợ công là dưới 50% GDP, lúc nói là 54%, có khi lại đưa ra con số là 56%. Nợ công của VN chưa thể đánh giá hết cũng là bởi quan niệm có hay không việc đưa nợ DNNN vào? Rồi nợ trong nước, nợ ngoài nước như thế nào?

Ông Lê Đăng Doanh cho rằng, "với công bố nợ DNNN là 51% GDP cộng với nợ công là 55% GDP thì con số nợ thực tế của VN hiện phải lên tới 106% GDP, chứ không chỉ là dưới 50% như The Economist công bố".



# \$ 050,419,146,240,954

## CURRENT GLOBAL PUBLIC DEBT

Total public debt

Higher debt



Lower debt

Zoom out



### Vietnam

Public debt: \$72,523,770,402  
Public debt per person: \$800.10  
Population: 89,740,003  
Public debt as % of GDP: 48.24%  
Total annual debt change: 12.54%

## COMPARE COUNTRY DEBT

Choose a country...

Choose a country...

Vietnam

Public debt: \$72,523,770,402  
Public debt per person: \$800.10  
Population: 89,740,003  
Public debt as % of GDP: 48.24%  
Total annual debt change: 12.54%

Close

2002 2003 2004 2005 2006 2007 2008 2009 2010 2011 2012 2013 2014

Data supplied and compiled by Economist Intelligence Unit

Forecast